

PHÁP LUẬT VỀ BIỂN CỦA TRUNG QUỐC DƯỚI GÓC NHÌN CỦA LUẬT QUỐC TẾ

NGÔ HỮU PHƯỚC

Khoa Luật Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế-Luật, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh
Faculty of Economic Law, University of Economics and Law,
Ho Chi Minh City Vietnam National University
Email: phuocnh@uel.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết này nghiên cứu so sánh Tuyên bố về Đường cơ sở năm 1996, Luật Hải Cảnh năm 2021, Luật An toàn hàng hải năm 2021 của Trung Quốc với quy định của luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 để chỉ ra những quy định vi phạm pháp luật quốc tế của các văn bản nói trên. Đồng thời, kiến nghị một số giải pháp nhằm vô hiệu hóa hiệu lực của các văn bản pháp luật nói trên của Trung Quốc, góp phần bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam và quyền tự do hàng hải, tự do hàng không của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Từ khóa: đường cơ sở, Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, quyền chủ quyền, quyền tự do hàng hải.

Abstract

This article compares the 1996 Declaration of the Government of the People's Republic of China on the baselines of the territorial sea, the 2020 Maritime Police Law of the People's Republic of China, the 2021 Maritime Traffic Safety Law of the People's Republic of China 2021 with the provisions of international law, especially the 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea to point out the violations of international law in the aforementioned documents. At the same time, the article proposes some solutions to invalidate the above-mentioned legal documents of China in order to contribute to protecting the country's sovereignty and sovereign rights, the jurisdiction of Vietnam and the freedom of navigation and overflight of countries in the region and in the world.

Keywords: baseline, 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea, sovereign rights, freedom of navigation

Ngày nhận bài: 17/6/2023

Ngày duyệt đăng: 30/9/2023

Từ năm 1958 đến nay, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) đã ban hành nhiều văn bản pháp luật để xác lập chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên biển. Trong đó, Tuyên bố về đường cơ sở năm 1958, và năm 1996; Luật Hải cảnh năm 2021 và Luật An toàn hàng hải năm 2021 là bốn văn bản pháp luật có nhiều nội dung vi phạm luật pháp quốc tế; xâm phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam trên biển Đông. Cụ thể, lần đầu tiên, Trung Quốc ra Tuyên bố về đường cơ sở ngày 04/9/1958. Theo Điểm 2 của Tuyên bố này: “Các đường thẳng nối liền mỗi điểm cơ sở của bờ biển trên đất liền và các đảo ngoại biên ngoài khơi được xem là các đường cơ sở của lãnh hải dọc theo đất liền Trung Quốc và các đảo ngoài khơi. Phần biển 12 hải lý tính ra từ các đường cơ sở là hải phận của Trung Quốc. Phần biển bên trong các đường cơ sở, kể cả vịnh Bột

Hải và eo biển Quỳnh Châu, là vùng nội hải của Trung Quốc. Các đảo bên trong các đường cơ sở, kể cả đảo Đông Dẫn, đảo Cao Đăng, các đảo Mã Tổ, các đảo Bạch Khuyển, đảo Điều Khâu, Đại và Tiểu Kim Môn, đảo Đại Đám, đảo Nhị Đám, và đảo Đông Đĩnh, là các đảo thuộc nội hải Trung Quốc”.¹ Tuy nhiên, Tuyên bố này không xác định các điểm cơ sở và tọa độ địa lý cụ thể.

Nhằm cụ thể hóa đường cơ sở đã được xác định một cách mơ hồ trong Tuyên bố về Lãnh hải năm 1958, ngày 15/5/1996 Trung Quốc đã ra tuyên bố về các đường cơ sở dọc theo bờ biển từ phía đông đông bắc đến đảo Hải Nam và đường cơ sở của quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam mà Trung Quốc gọi là Tây Sa. Theo tuyên bố này, đường cơ sở của Trung Quốc được xác định theo phương pháp đường cơ sở thẳng, là cơ sở để xác định lãnh hải của đất liền, đảo Hải Nam và quần đảo Hoàng Sa. Về nội dung, Tuyên bố về Đường cơ sở của Trung Quốc ngày 15/5/1996 có một số nội dung vi phạm pháp luật quốc tế, xâm phạm chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và trái với quy định của Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (*United Nations Convention on the Law of the Sea 1982*, UNCLOS) về xác định đường cơ sở thẳng. Năm 2021, Trung Quốc ban hành Luật Hải cảnh và Luật An toàn hàng hải. Trong cả hai đạo luật này Trung Quốc đều sử dụng cơ sở pháp lý để xác định các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán là Tuyên bố về Đường cơ sở ngày 15/5/1996.

Từ thực tiễn pháp lý nói trên, bài viết này sẽ làm sáng tỏ bốn vấn đề: (i) phân tích các phương pháp xác định đường cơ sở theo quy định của UNCLOS năm 1982; (ii) bình luận Tuyên bố về Đường cơ sở của Trung Quốc ngày 15/5/1996; (iii) phân tích hệ quả pháp lý của Tuyên bố về Đường cơ sở của Trung Quốc trong mối liên hệ với Luật Hải cảnh, Luật An toàn hàng hải đối với hoà bình, an ninh, hàng hải, hàng không của khu vực và thế giới; (iv) gợi mở một số giải pháp nhằm vô hiệu hóa hiệu lực của các tuyên bố và đạo luật này của Trung Quốc.

1. Cơ sở pháp lý quốc tế để xác định đường cơ sở

Về phương diện pháp lý quốc tế, muốn xác lập các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia thì quốc gia ven biển phải xác định được đường cơ sở. Bởi lẽ, đường cơ sở là “cột mốc pháp lý” do quốc gia đơn phương xác định, là ranh giới phía trong của lãnh hải và là ranh giới phía ngoài của nội thủy. UNCLOS năm 1982 quy định hai phương pháp xác định đường cơ sở là phương

¹ Xem toàn văn nội dung của tuyên bố này bằng tiếng Trung Hoa tại địa chỉ website: <https://www.fmprc.gov.cn/diaoyudao/chn/flfg/zcfg/t1304542.htm>, truy cập ngày 17/6/2023.

pháp đường cơ sở thông thường (*normal baselines*) và phương pháp đường cơ sở thẳng (*straight baselines*). Theo Điều 5 của UNCLOS năm 1982, đường cơ sở thông thường “là đường ngăn nước thủy triều thấp nhất dọc theo bờ biển như được vạch trên bản đồ có tỷ lệ lớn được quốc gia ven biển công nhận chính thức”. Phương pháp đường cơ sở thông thường áp dụng đối với các quốc gia có bờ biển bằng phẳng, không có các đoạn lồi lõm, khúc khuỷu, không có các đảo và quần đảo ven bờ. Trong trường hợp này, quốc gia ven biển sẽ chọn một thời điểm nhất định khi mực nước thủy triều xuống thấp nhất dọc bờ biển được xác định bằng các tọa độ cụ thể để tuyên bố đường cơ sở.

Theo Điều 7 của UNCLOS năm 1982, phương pháp đường cơ sở thẳng được áp dụng “ở nơi nào bờ biển bị khoét sâu và lồi lõm hoặc có một chuỗi đảo nằm sát và chạy dọc theo bờ biển” (khoản 1) và “ở nơi nào bờ biển cực kỳ không ổn định do có một châu thổ và những đặc điểm tự nhiên khác...” (khoản 2). Nếu đáp ứng một trong hai hoặc cả hai trường hợp trên, thì đường cơ sở thẳng được xác định là đường “nối liền các điểm thích hợp có thể được sử dụng để kẻ đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải”.² Việc xác định đường cơ sở thẳng nhằm mục đích cho phép quốc gia ven biển đơn phương bao bọc các vùng nước có mối liên hệ chặt chẽ giữa chúng với đất liền để tạo thành “các vùng biển ở bên trong các đường cơ sở gắn với đất liền đủ đến mức đạt được chế độ nội thủy”.³ Phương pháp đường cơ sở thẳng được UNCLOS năm 1982 quy định rất chặt chẽ nhằm loại bỏ việc lạm dụng phương pháp này để xác định đường cơ sở ra quá xa chiều hướng chung của bờ biển, hoặc nối các điểm cơ sở không thực chất nhằm có một vùng nội thủy rộng lớn. Do vậy, UNCLOS năm 1982 quy định, tuyến các đường cơ sở không được đi chệch quá xa chiều hướng chung của bờ biển (khoản 3).

Tuyến đường cơ sở thẳng phải chạy dọc theo chiều hướng chung của bờ biển và phải phản ánh đúng địa hình tự nhiên của đoạn bờ biển tương ứng. Đường cơ sở thẳng không được kéo đến hoặc xuất phát từ các bãi cạn lúc nổi lúc chìm, trừ trường hợp ở đó có những đèn biển hoặc các thiết bị tương tự thường xuyên nhô trên mặt nước hoặc việc vạch các đường cơ sở thẳng đó đã được sự thừa nhận chung của quốc tế (khoản 4). Do vậy, các bãi cạn lúc chìm lúc nổi không đương nhiên là một điểm cơ sở để “kéo đến hoặc xuất phát” từ đó để xác định đường cơ sở thẳng mà chúng chỉ được coi là một điểm cơ sở nếu ở đó có hải đăng hoặc công trình tương tự thường xuyên nhô trên mặt nước; khi toàn bộ

2 Khoản 1 Điều 7 UNCLOS 1982 và khoản 1 Điều 4 Công ước về Lãnh hải và Vùng tiếp giáp năm 1958.

3 Khoản 3 Điều 7 UNCLOS 1982.

hay một phần bãi cạn phải cách lục địa hoặc một đảo một khoảng cách không vượt quá chiều rộng của lãnh hải (12 hải lý). Đáp ứng hai điều kiện này, ngân nước triều thấp nhất ở trên các bãi cạn có thể được dùng làm đường cơ sở để tính chiều rộng của lãnh hải.⁴ Phương pháp đường cơ sở thẳng do quốc gia áp dụng không được làm cho lãnh hải quốc gia khác bị tách khỏi biển cả hoặc một vùng đặc quyền kinh tế (khoản 6). Có nghĩa là, đường cơ sở của quốc gia ven biển không được bao trùm hoặc chia cắt các vùng biển của quốc gia đối diện hoặc tiếp giáp.

2. Tuyên bố về Đường cơ sở của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày 15/5/1996 vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa

Vào ngày 15/5/1996, Trung Quốc đã ra Tuyên bố về Đường cơ sở. Theo Tuyên bố này, đường cơ sở của Trung Quốc được xác định theo phương pháp đường cơ sở thẳng gồm hai hệ thống: (i) đường cơ sở thẳng của đất liền bao gồm 49 điểm cơ sở dọc theo các thực thể địa lý tiếp giáp với bờ biển của đất liền và đảo Hải Nam bắt đầu từ điểm 1 (Shandong Gaojiao) trên mũi phía Đông của bán đảo Sơn Đông, phía Đông Nam của Bồ-Hải và phía Nam đến điểm 49 nằm trên đảo Hải Nam; (ii) đường cơ sở thẳng của quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam mà nước này gọi là Tây Sa, ở phía Bắc của biển Đông, với 28 điểm cơ sở.

Tuyên bố về đường cơ sở của Trung Quốc đã vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa với hai lý do sau đây:

Một là, theo quy định tại Điều 46 và 47 của UNCLOS năm 1982 thì không thể xác định đường cơ sở thẳng đối với quần đảo Hoàng Sa. Điều 46 của UNCLOS năm 1982 quy định “quần đảo” (*archipel*) là một tổng thể các đảo, kể cả các bộ phận của các đảo, các vùng nước tiếp liền và các thành phần tự nhiên khác có liên quan với nhau đến mức tạo thành về thực chất một thể thống nhất về địa lý, kinh tế và chính trị, hay được coi như thế về mặt lịch sử. Theo Điều 47 của UNCLOS năm 1982, chỉ có quốc gia quần đảo mới có thể vạch các đường cơ sở thẳng của quần đảo. Do vậy, là một quốc gia lục địa, Trung Quốc không thể xác định đường cơ sở đối với bất kỳ quần đảo nào.

Đồng thời, Trung Quốc không có thẩm quyền để xác định đường cơ sở trên quần đảo Hoàng Sa vì quần đảo này thuộc chủ quyền của Việt Nam. Tuyên bố này của Trung Quốc đã gián tiếp bị Tòa Trọng tài thành lập theo Phụ lục VII của UNCLOS năm 1982 giải quyết vụ kiện

4 Khoản 1 Điều 13 của UNCLOS 1982.

Philippines - Trung Quốc bác bỏ bằng phán quyết ngày 12/7/2016.⁵ Đoạn 575 của phán quyết này khẳng định, UNCLOS năm 1982 đã quy định tại Điều 7 về việc các quốc gia sử dụng đường cơ sở thẳng trong một số hoàn cảnh nhất định. Theo quan điểm của Tòa, bất kỳ việc áp dụng đường cơ sở thẳng nào đối với quần đảo Trường Sa theo cách đó đều trái với UNCLOS năm 1982. Điều 7 của UNCLOS năm 1982 quy định rằng, việc áp dụng đường cơ sở thẳng chỉ “ở những nơi mà đường bờ biển bị khúc khuỷu, lồi lõm sâu, hoặc nếu có chuỗi đảo dọc theo bờ biển và ngay gần kề”. Các điều kiện này không bao gồm quần đảo xa bờ. Tòa Trọng tài cũng cho rằng, việc cho phép sử dụng đường cơ sở thẳng theo Điều 7 của UNCLOS năm 1982, cùng với việc cho phép có điều kiện đối với một số quốc gia để vạch đường cơ sở quần đảo theo Điều 46 và Điều 47 của UNCLOS năm 1982 đã loại trừ khả năng sử dụng đường cơ sở thẳng cho các hoàn cảnh khác, cụ thể là liên quan đến các quần đảo xa bờ không đáp ứng các điều kiện để vạch đường cơ sở quần đảo. Bất kỳ việc giải thích nào khác sẽ khiến cho các điều kiện quy định tại Điều 7 và Điều 47 của UNCLOS năm 1982 trở nên vô nghĩa.⁶ Ngoài ra, phán quyết này cũng đã khẳng định, chỉ có quốc gia quần đảo mới có quyền sử dụng đường cơ sở quần đảo.⁷

Hội nghị lần thứ 78 của Hội Luật quốc tế (*International Law Association, ILA*)⁸ được tổ chức tại Sydney, Australia năm 2018 đã thông qua Báo cáo và Nghị quyết cuối cùng về đường cơ sở trong luật biển quốc tế. Báo cáo cho rằng: “Trong trường hợp của quần đảo ngoài khơi xa bờ (*offshore outlying archipelagos*), một quốc gia không thể yêu sách đường cơ sở quần đảo trừ khi đáp ứng được tiêu chuẩn là quốc gia quần đảo”.⁹

Hai là, quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Việt Nam là quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa phù hợp với nguyên tắc phát hiện và xác lập chủ quyền thực sự theo quy định của luật pháp quốc tế từ khi quần đảo Hoàng Sa là lãnh thổ vô chủ. Cụ thể, vào nửa đầu thế kỷ XVII,¹⁰ Chúa Nguyễn đã tổ chức “đội

5 Xem thêm nội dung của phán quyết này tại địa chỉ website: <https://pca-cpa.org/en/cases/7/>, truy cập ngày 04/9/2021.

6 Vụ kiện Biển Đông (*Philippines v. Trung Quốc*) [2016] (Phán quyết trọng tài) 237 [575].

7 Vụ kiện Biển Đông, phán quyết trọng tài đoạn 573.

8 Tên tiếng Anh là *International Law Association*, là một tổ chức phi lợi nhuận có uy tín trong lĩnh vực Luật quốc tế, thành lập năm 1873, có trụ sở chính tại Luân Đôn (Anh).

9 International Law Association, Resolution 1/2018: Committee on Baselines under the Law of the Sea - 78th Conference of the International Law Association (Sydney, Australia, 2018), đoạn 11.

10 Theo luật quốc tế, không nhất thiết phải xác định một thời điểm cụ thể của việc xác lập chủ quyền. Điều này đã được ghi nhận trong phán quyết về vụ tranh chấp đảo Las Palmas giữa Hà Lan và Mỹ của Trọng tài Max Huber 4/4/1928 rằng, “Không nhất thiết là việc thể hiện chủ quyền phải được thiết lập khi đã bắt đầu vào một thời điểm chính xác. Việc xác lập chủ quyền có thể là kết quả của một quá trình phát triển chậm chạp, một sự tăng cường tiến bộ của sự kiểm soát của Nhà nước”. Xem phán quyết này tại địa chỉ website: https://legal.un.org/riaa/cases/vol_II/829-871.pdf, tr. 867, truy cập ngày 04/9/2021.

Hoàng Sa” thuộc phủ Quảng Ngãi ra quần đảo Hoàng Sa và “đội Bắc Hải” thuộc phủ Bình Thuận ra quần đảo Trường Sa để thu lượm hàng hóa, khí cụ trên các tàu mắc cạn và đánh bắt hải sản. Các hoạt động này được ghi nhận trong nhiều tài liệu lịch sử như “Toàn tập Thiên nam tứ chí lộ đồ thư” của Đỗ Bá Tự Công Đạo năm 1686, “Phủ biên tạp lục” của Lê Quý Đôn năm 1776, “Lịch triều Hiến chương loại chí” của Phan Huy Chú năm 1821, “Đại Nam thực lục tiền biên” từ năm 1844 đến năm 1848, “Đại Nam thực lục chính biên” từ năm 1844 đến năm 1848, “Đại Nam nhất thống chí” do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn năm 1910, Dư địa chí “Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ”, “Quốc triều chính biên toát yếu” năm 1910 và các tài liệu lịch sử nước ngoài như Nhật ký Batavia năm 1936, Hải ngoại ký sự năm 1696, An Nam Đại quốc họa đồ năm 1838¹¹), ngay cả “Hoàng Triều trực tỉnh địa dư toàn đồ” năm 1904 – bản đồ toàn lãnh thổ Trung Quốc thời Nhà Thanh cũng xác định, cực Nam của lãnh thổ Trung Quốc là đảo Hải Nam.¹² Đồng thời, Triều đình Nhà Nguyễn đã tổ chức đo đạc, khảo sát, dựng bia, cắm mốc nhằm thực thi chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa liên tục trong các năm 1834, 1835 và 1836. Như vậy, cả về phương diện lịch sử và pháp lý quốc tế, triều đình nhà Nguyễn đã xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo này từ khi chúng còn là lãnh thổ vô chủ.¹³ Trong giai đoạn thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, lấy tư cách đại diện cho triều đình phong kiến An Nam, Pháp đã có nhiều hoạt động củng cố chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa bằng việc tuần tra, kiểm soát và đưa quân ra chiếm đóng trên quần đảo này; sáp nhập quần đảo Trường Sa vào tỉnh Bà Rịa và thành lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên. Trong các năm 1931, 1932, Pháp liên tục phản đối việc Trung Quốc đòi hỏi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa; ngày 08/3/1949, Pháp công nhận độc lập, thống nhất của Việt Nam và ngày 14/10/1950, Pháp chính thức trao việc phòng thủ quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho Việt Nam. Hai quần đảo này tiếp tục được quản lý bởi chính quyền Việt Nam Cộng hòa theo đúng quy định của Hiệp định Geneva năm 1954.

- 11 Nguyễn Đình Đầu, Chương 7: “Bản đồ cổ và tư liệu Tây phương từ năm 1525 đều chứng minh Hoàng Sa- Trường Sa là của Việt Nam”, *Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông và Hoàng Sa-Trường Sa*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2014, tr. 257-269.
- 12 Như các bản đồ do Diogo Ribeiro vẽ năm 1528, Sébastien Calbot vẽ năm 1544, Giacomo Gastaldi vẽ năm 1548, Andreas Homen vẽ năm 1559, Barthomeu Velho vẽ năm 1560, Lazaro Luis vẽ năm 1563, Abraham Ortelius vẽ năm 1584, Matteo Ricci vẽ năm 1602, Martini vẽ năm 1655, Sinae propriae vẽ 1782... Xem các bản đồ này tại sách: Nguyễn Đình Đầu, *ltd*, tại Chương 7, 8, tr. 257-269.
- 13 Nguyễn Đình Đầu, *ltd*, “Chương 2: Biển Đông & Hoàng Sa - Trường Sa thời Hậu Lê, thời chúa Nguyễn và Tây Sơn”, tr. 33-73; “Chương 3: Biển Đông & Hoàng Sa-Trường Sa dưới Triều Nguyễn”, tr. 77-122.

Từ ngày 02/7/1976, nước CHXHCN Việt Nam kế thừa toàn bộ lãnh thổ bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ các chính quyền trước. Nghị quyết của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX, kỳ họp thứ 5 ngày 23/6/1994 về việc phê chuẩn UNCLOS năm 1982 đã khẳng định: “Quốc hội một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết các bất đồng liên quan đến biển Đông thông qua thương lượng hòa bình, trên tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tôn trọng pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, tôn trọng chủ quyền và quyền tài phán của các nước ven biển đối với vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa, trong khi nỗ lực thúc đẩy đàm phán để tìm giải pháp cơ bản lâu dài, các bên liên quan cần duy trì ổn định trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng, không có hành động làm phức tạp thêm tình hình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực”.¹⁴

Các cơ sở lịch sử và pháp lý nói trên là những minh chứng thuyết phục nhất để khẳng định Việt Nam là quốc gia đầu tiên xác lập chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa phù hợp với nguyên tắc chiếm hữu thực sự, một nguyên tắc được luật pháp quốc tế thừa nhận và phát triển từ Hiệp ước Berlin năm 1884-1885.¹⁵ Việc xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ của luật quốc tế vì đã thỏa mãn năm điều kiện: (i) Việt Nam xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa khi chúng là lãnh thổ vô chủ (*terra nullius*)¹⁶; (ii) hành vi xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hành vi do nhà nước thực hiện; (iii) hành vi xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hòa bình, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; (iii) việc xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là thực sự và liên tục, không bị gián đoạn; (iv) việc xác lập chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được cộng đồng quốc tế thừa nhận (không có quốc gia nào phản đối).

14 Nguyễn Đình Đầu, *lđđ*, “Chương 2: Biển Đông & Hoàng Sa-Trường Sa thời Hậu Lê, thời chúa Nguyễn và Tây Sơn”, tr. 33-73; “Chương 6: Biển Đông & Hoàng Sa-Trường Sa từ 1975 đến nay”, tr. 225-236.

15 Hiệp ước này được ký tại Hội nghị Berlin diễn ra từ ngày 15/11/1884 đến ngày 26/02/1885 với sự tham gia của 13 quốc gia châu Âu (Bỉ, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Ý, Vương quốc Anh, Hàn Lan, Áo Hung, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Điển-Nauy, Đan Mạch, Nga) và Mỹ để bàn về việc phân chia lãnh thổ ở Đông Nam châu Phi. Xem toàn văn của Hiệp ước này tại địa chỉ website: <https://extranet.editis.com/it-yonixweb/images/500/art/doc/9/9537647a8d3abf023938303435333235323535.pdf>, truy cập ngày 04/9/2021.

16 Lãnh thổ vô chủ (tiếng Latin là: *Terra nullius*) là một thuật ngữ pháp lý quy định, một vùng đất (lãnh thổ) mà chưa được bất kỳ một quốc gia nào tuyên bố chủ quyền hay là lãnh thổ chưa từng đặt dưới sự quản trị của quốc gia nhất định nào. Trên lãnh thổ đó có thể có cư dân sinh sống nhưng chưa có một tổ chức nhà nước nào quản trị trên đó.

3. Hệ quả pháp lý tiêu cực của Tuyên bố về Đường cơ sở năm 1996 của Trung Quốc đối với hòa bình, an ninh, hàng hải, hàng không của khu vực và thế giới

Sau Tuyên bố về đường cơ sở ngày 15/5/1996, Trung Quốc đã ban hành một số luật về biển, điển hình là Luật Hải cảnh năm 2021¹⁷ và Luật An toàn hàng hải năm 2021.¹⁸ Về nội dung, hai luật nói trên có một số quy định trái với UNCLOS năm 1982, xâm phạm đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam, đe dọa hòa bình, an ninh cũng như hoạt động hàng hải, hàng không của các quốc gia trong khu vực và thế giới.

Thứ nhất, phạm vi các vùng biển trong Luật Hải cảnh và Luật An toàn hàng hải được xác định đều trái với UNCLOS năm 1982. Theo quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Hải cảnh Trung Quốc, “vùng biển thuộc quyền tài phán của nước CHND Trung Hoa bao gồm: lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa cũng như các vùng biển khác thuộc quyền tài phán của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Nội thủy là vùng nước bên trong đường cơ sở lãnh hải về phía đất liền của nước CHND Trung Hoa, trong đó bao gồm vịnh và khu vực cửa sông”. Điều 2 của Luật An toàn hàng hải của Trung Quốc cũng quy định tương tự, “Luật này áp dụng ...trong các vùng biển thuộc quyền tài phán của CHND Trung Hoa”. Tiếp đó, Điều 3 của Luật Hải cảnh quy định, lực lượng Hải cảnh Trung Quốc “sẽ tiến hành các hoạt động thực thi pháp luật trên các vùng biển thuộc quyền tài phán của Trung Quốc và trong vùng trời phía trên vùng biển thuộc quyền tài phán của Trung Quốc”.

Cơ sở để xác định “các vùng biển thuộc quyền tài phán” của Trung Quốc trong hai đạo luật này là Tuyên bố về Lãnh hải ngày 04/9/1958 và Tuyên bố về Đường cơ sở ngày 15/5/1996 cũng như yêu sách phi lý của nước này trên biển Đông. Do vậy, Việt Nam và cộng đồng quốc tế đã phản đối mạnh mẽ vì chúng ảnh hưởng trực tiếp đến chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán của Việt Nam; ảnh hưởng đến việc thực thi

17 Luật Hải cảnh được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc thông qua ngày 22/01/2021 và có hiệu lực từ ngày 01/02/2021, Luật này gồm 11 Chương và 84 điều. Luật Hải cảnh ra đời 7 năm sau khi Trung Quốc hợp nhất một số cơ quan thực thi pháp luật dân sự trên biển để lập Cục Hải cảnh. Cục Hải cảnh Trung Quốc chuyển về dưới quyền lực lượng Vũ cảnh trực thuộc Quân ủy Trung ương Trung Quốc vào tháng 7/2018. Xem toàn văn của luật này tại địa chỉ website: http://www.moj.gov.cn/Department/content/2021-01/25/592_3265256.html, truy cập ngày 04/9/2021.

18 Luật an toàn hàng hải sửa đổi của Trung Quốc được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc thông qua tại kỳ họp thứ 28 và được Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình ký ban hành ngày 29/4/2021, có hiệu lực ngày 01/9/2021. Đây là bản sửa đổi Luật An toàn hàng hải năm 1983, sửa đổi năm 2016. Luật mới gồm 10 Chương và 122 điều, so với bản sửa đổi trước đó gồm 12 Chương và 53 điều. Xem toàn văn của luật này tại địa chỉ website: <https://www.pkulaw.com/chl/8acbe8d64f17623abdfb.html>, truy cập ngày 04/9/2021.

các quyền và tự do của các quốc gia trên biển và đại dương theo quy định của UNCLOS. Bởi lẽ, quan điểm của Trung Quốc về các vùng biển ở biển Đông từ lâu đã mâu thuẫn với UNCLOS năm 1982. Cụ thể, nước này đã đơn phương tuyên bố chủ quyền theo đường chín đoạn hay còn gọi là đường lưỡi bò chiếm hơn 80% diện tích biển Đông bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.¹⁹ Năm 2016, Tòa Trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII của UNCLOS năm 1982 giải quyết vụ kiện Philippines - Trung Quốc đã bác bỏ yêu sách đường chín đoạn và khẳng định, yêu sách của Trung Quốc đối với các quyền lịch sử về các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật trong cái gọi là đường chín đoạn là không phù hợp với UNCLOS năm 1982. Tòa Trọng tài cũng kết luận, khi Trung Quốc gia nhập UNCLOS năm 1982 và UNCLOS năm 1982 có hiệu lực, mọi quyền lịch sử mà Trung Quốc có thể có đối với các nguồn tài nguyên sinh vật và phi sinh vật trong cái gọi là đường chín đoạn cũng đều bị thay thế”. Như vậy, tuyên bố đơn phương về chủ quyền của Trung Quốc trên biển Đông là không có cơ sở pháp lý, trái với UNCLOS năm 1982.

Mặc dù vậy, cho đến nay, Trung Quốc vẫn từ chối thực hiện phán quyết của Tòa Trọng tài và Luật Hải cảnh và Luật An toàn hàng hải năm 2021 lại tiếp tục sử dụng cụm từ “vùng biển thuộc quyền tài phán của Trung Quốc” một cách mơ hồ và quy định các lực lượng chấp pháp của nước này sẽ tiến hành các hoạt động thực thi pháp luật để bảo vệ các quyền và lợi ích hàng hải tại các vùng biển mà Trung Quốc không có quyền tài phán theo quy định của UNCLOS năm 1982.

Như đã phân tích tại mục 2 của bài viết, với cách xác định đường cơ sở của Trung Quốc, đặc biệt là đường cơ sở thẳng trên quần đảo Hoàng Sa, đồng thời, với yêu sách đường chín đoạn phi pháp thì hơn 80% diện tích biển Đông đều nằm trong cái gọi là “vùng biển thuộc quyền tài phán” hoặc cái gọi là “vùng biển liên quan tới Tứ Sa” và một phần rất lớn của vùng biển nằm trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Nhật Bản tại biển Hoa Đông. Do vậy, quy định này đã xâm phạm trực tiếp chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và các quyền thuộc chủ quyền, quyền tài phán của nước ta ở vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa được xác lập theo UNCLOS năm 1982, đồng thời, xâm phạm quyền chủ quyền, quyền tài phán trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Nhật Bản tại biển Hoa Đông.

Thứ hai, Luật Hải cảnh và Luật An toàn hàng hải có nhiều quy định đe dọa hoạt động hàng hải, hàng không quốc tế và các hoạt động hợp

¹⁹ Năm 2009, Trung Quốc đệ trình một công hàm lên Liên hợp quốc trong đó đính kèm một bản đồ về khu vực rộng lớn trên Biển Đông được bao quanh bởi đường chín đoạn với tuyên bố rằng Trung Quốc có chủ quyền đối với khu vực này.

pháp khác của tàu thuyền nước ngoài. Nghiên cứu Luật Hải cảnh năm 2021 của Trung Quốc, chúng tôi nhận thấy một số quy định sau đây trái với luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS xâm phạm quyền tự do hàng hải và tự do hàng không của các quốc gia trong khu vực và thế giới. Cụ thể, Điều 20 của Luật Hải cảnh năm 2021 quy định, Hải cảnh Trung Quốc được “ra lệnh đình chỉ các hoạt động bất hợp pháp, bao gồm cả việc lắp đặt các cơ sở và tòa nhà của các tổ chức hay cá nhân nước ngoài, hoặc ra lệnh cải thiện tình hình trong một thời hạn quy định. Trong trường hợp bị từ chối, Luật này cho phép lực lượng Hải cảnh, khi cần thiết, theo đuổi các biện pháp trừng phạt khác nhau như dỡ bỏ các cơ sở và tòa nhà này”. Đồng thời, “có các biện pháp chống lại tàu chiến nước ngoài”; Điều 21 quy định, “trong trường hợp tàu quân sự nước ngoài hoặc tàu chính phủ hoạt động vì mục đích phi thương mại vi phạm luật nội địa của Trung Quốc trong vùng biển thuộc quyền tài phán của Trung Quốc, lực lượng hải cảnh sẽ có quyền thực hiện các biện pháp kiểm soát an ninh cần thiết để hạn chế hoạt động tàu quân sự nước ngoài và các tàu nước ngoài. Đối với những tàu từ chối rời đi và gây tổn hại hoặc đe dọa nghiêm trọng, lực lượng hải cảnh có quyền áp dụng các biện pháp như trục xuất và buộc phải lai dắt”; Điều 22 quy định, “Khi chủ quyền quốc gia, quyền chủ quyền và quyền tài phán Trung Quốc bị các cá nhân và tổ chức nước ngoài xâm phạm phi pháp hoặc đối diện mối nguy cấp bách bị xâm phạm phi pháp, theo luật này và các luật liên quan khác, hải cảnh có quyền áp dụng tất cả biện pháp cần thiết, gồm sử dụng vũ khí, để chặn đứng hành vi xâm phạm và loại trừ mối nguy”.

Ngoài ra, Điều 47 Luật này quy định, nhân viên hải cảnh có thể sử dụng vũ khí cầm tay khi cảnh cáo đã đưa ra vô hiệu là khi tàu thuyền nước ngoài xâm nhập vào “vùng biển thuộc quản lý của Trung Quốc” và từ chối tuân theo lệnh dừng tàu. Đồng thời, theo quy định tại Điều 49, nhân viên hải cảnh có thể sử dụng trực tiếp vũ khí nếu cảnh báo không kịp hoặc sau khi cảnh cáo có thể dẫn tới hậu quả nguy hại nghiêm trọng hơn.

Về phương diện pháp lý quốc tế, ngay cả khi các vùng biển của Trung Quốc được xác lập đúng UNCLOS thì các quy định nói trên của Luật Hải cảnh Trung Quốc cũng trái với UNCLOS. Theo UNCLOS, ở lãnh hải, tàu thuyền của mọi quốc gia đều được hưởng quyền “đi qua không gây hại”.²⁰ Tàu quân sự và tàu nhà nước phi thương mại được hưởng quyền miễn trừ.²¹ Ở vùng tiếp giáp lãnh hải và đặc quyền kinh tế, tàu thuyền và phương tiện bay của các quốc gia đều được quyền tự do hàng hải và hàng không.²² Do đó, các quy định nêu trên của Luật Hải

20 Điều 17 của UNCLOS.

21 Điều 32 của UNCLOS.

22 Điều 58 của UNCLOS

cảnh Trung Quốc được áp dụng trên “các vùng biển” mà Trung Quốc đã tuyên bố trái với UNCLOS nằm trong phạm vi đường 9 đoạn là rất nguy hiểm. Bởi lẽ, Luật này coi tàu thuyền của các quốc gia, trong đó có tàu quân sự hoạt động trên các vùng biển theo quy định của UNCLOS là đối tượng mà lực lượng hải cảnh Trung Quốc có thể tấn công, trục xuất, lai dắt, thậm chí nổ súng. Điều này hoàn toàn trái với UNCLOS. Điều 32 của UNCLOS quy định, “ngoài những ngoại lệ đã nêu ở Tiểu mục A và ở các Điều 30 và 31²³, không một quy định nào của Công ước dụng chạm đến các quyền miễn trừ mà các tàu chiến và các tàu khác của nhà nước dùng vào những mục đích không thương mại được hưởng”. Bên cạnh đó, Điều 236 của UNCLOS quy định, “các quy định của Công ước liên quan đến việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển không áp dụng đối với các tàu chiến hay tàu thuyền hỗ trợ, cũng như đối với các tàu thuyền khác hay đối với các phương tiện bay thuộc một quốc gia hay do quốc gia này, khai thác, khi trong thời gian xem xét, quốc gia này chỉ sử dụng chúng vào những mục đích công vụ không có tính chất thương mại”. Theo UNCLOS, tàu quân sự, tàu hỗ trợ quân sự và tàu nhà nước phi thương mại được quyền miễn trừ tài phán. Do đó, nếu lực lượng hải cảnh Trung Quốc thực hiện việc cưỡng bức kéo tàu chiến hoặc tàu nhà nước phi thương mại thì đó là hành vi vi phạm UNCLOS. Đồng thời, quy định này đã vi phạm nguyên tắc cấm sử dụng và đe dọa sử dụng vũ lực, một nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế được quy định trong Hiến chương Liên hợp quốc²⁴ và Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở biển Đông (*The Declaration on the Conduct of Parties in the East Sea/South China Sea*, DOC) năm 2002.²⁵

Ngoài ra, Điều 25 Luật Hải cảnh của Trung Quốc quy định, lực lượng hải cảnh sẽ thiết lập các vùng an ninh hàng hải ngoài lãnh hải với các lý do: (i) để thực hiện các nhiệm vụ an ninh hàng hải; (ii) để chống lại các hoạt động bất hợp pháp và tội phạm trên biển; (iii) để đối phó với các trường hợp khẩn cấp trên biển; (iv) để bảo vệ tài nguyên biển và môi trường sinh thái và (v) trong bất kỳ tình huống nào khác đòi hỏi phải phân định các khu vực an ninh hàng hải tạm thời. Các quy định này cũng trái với UNCLOS. Bởi lẽ, ở ngoài lãnh hải, tàu thuyền của mọi quốc gia đều được hưởng quyền tự do hàng hải và không quốc gia nào có thể đòi đặt bất kỳ phần nào của biển cả vào chủ quyền của mình.²⁶ Quốc gia ven biển

23 Tiểu mục A là quy tắc áp dụng cho mọi loại tàu thuyền; Điều 30 quy định về tàu chiến không tuân thủ các luật và quy định của nước ven biển; Điều 31 quy định về trách nhiệm của quốc gia mà tàu mang cờ đối với hành động của một tàu chiến hay một tàu khác của nhà nước.

24 Điều 2 của Hiến chương Liên hợp quốc.

25 Xem Điều 2 của Hiến chương Liên hợp quốc, Điểm 1 Tuyên bố ngày 25/10/1970 của Liên hợp quốc, Điều 1,2,3,4 của Tuyên bố DOC ngày 02/11/2002.

26 Các Điều 58, 86,87, 89 của UNCLOS.

chỉ được thiết lập các khu vực để bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. Cụ thể, quốc gia ven biển được quyền ban hành luật và quy định để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm biển do tàu thuyền nước ngoài gây ra, kể cả tàu thuyền đang đi qua không hại nhưng không được cản trở tàu thuyền nước ngoài thực hiện quyền đi qua không gây hại.²⁷

Trong vùng đặc quyền kinh tế, thẩm quyền của quốc gia ven biển bị giới hạn trong việc kiểm soát ô nhiễm từ tàu thuyền bằng việc ban hành các luật và các quy định của quốc gia nhưng phải phù hợp và đem lại hiệu lực cho các quy tắc và quy định quốc tế được chấp nhận chung và được xây dựng qua trung gian của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền hay qua một hội nghị ngoại giao chung,²⁸ không bao gồm việc chỉ định các khu vực an ninh hàng hải. Cuối cùng, các quốc gia ven biển có thể, phù hợp với Điều 60 và Điều 80 của UNCLOS để thiết lập các vùng an toàn hợp lý không quá 500 mét xung quanh các đảo nhân tạo, các thiết bị công trình trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa để đảm bảo an toàn cho hàng hải và các công trình và cấu trúc.²⁹

Bên cạnh Luật Hải cảnh năm 2021, Luật An toàn hàng hải của Trung Quốc năm 2021 cũng có một số quy định có tính chất cản trở, làm phức tạp đối với các hoạt động bình thường của tàu thuyền nước ngoài trên các vùng biển theo quy định của UNCLOS. Cụ thể, Điều 30 của Luật này đặt ra yêu cầu bắt buộc về hoa tiêu là trái với UNCLOS. Điều 24 của UNCLOS quy định, quốc gia ven biển không được thực hiện các hành vi: cản trở quyền đi qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài trong lãnh hải, ngoài những trường hợp mà Công ước đã trừu định; áp đặt cho các tàu thuyền nước ngoài những nghĩa vụ dẫn đến việc cản trở hay hạn chế việc thực hiện quyền đi qua không gây hại; phân biệt đối xử về mặt pháp lý hay về mặt thực tế đối với tàu thuyền chở hàng từ một quốc gia nhất định hay đến quốc gia đó hoặc nhân danh một quốc gia nhất định; thông báo thích đáng mọi nguy hiểm về hàng hải mà mình biết trong lãnh hải của mình;

Theo UNCLOS, khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải, tàu thuyền của mọi quốc gia có biển hay không có biển có các nghĩa vụ: chấp hành Công ước và các quy tắc khác của pháp luật quốc tế (Điều 17 và khoản 1 Điều 19); việc đi qua phải liên tục và nhanh chóng, bao gồm cả việc dừng lại và thả neo trong trường hợp gặp phải những sự cố thông thường về hàng hải hoặc vì một trường hợp bất khả kháng hay mắc nạn hoặc vì mục đích cứu giúp người, tàu thuyền hay phương tiện bay đang lâm nguy hoặc mắc nạn (Điều 18);

27 Điều 211 của UNCLOS.

28 Điều 211 của UNCLOS.

29 Khoản 5 Điều 60 và Điều 80 của UNCLOS.

không làm phương hại đến hòa bình, trật tự hay an ninh của quốc gia ven biển (khoản 1 Điều 19); tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác buộc phải đi nổi và treo cờ quốc tịch (Điều 20); tuân thủ các luật và quy định quốc tế liên quan đến việc phòng ngừa đâm va trên biển (khoản 4 Điều 21); tàu thuyền có động cơ chạy bằng năng lượng hạt nhân cũng như tàu thuyền chuyên chở chất phóng xạ hay các chất khác nguy hiểm hay độc hại, khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải, buộc phải mang đầy đủ các tài liệu và áp dụng những biện pháp phòng ngừa đặc biệt theo quy định của các điều ước quốc tế đối với loại tàu thuyền đó (Điều 23).

Không có điều khoản nào của UNCLOS quy định, tàu nước ngoài đi qua không hại trong lãnh hải phải có nghĩa vụ “báo cáo” với cơ quan có thẩm quyền của quốc gia ven biển. Do vậy, Điều 54 Luật An toàn hàng hải của Trung Quốc quy định, tàu lặn, tàu chạy bằng năng lượng hạt nhân, tàu chở chất phóng xạ hoặc các chất độc hại và các tàu khác có thể gây nguy hiểm cho an toàn giao thông hàng hải của Trung Quốc theo quy định của pháp luật, quy định hành chính hoặc của Quốc vụ viện khi đi qua không gây hại trong lãnh hải phải báo cáo với cơ quan an toàn hàng hải của Trung Quốc là trái với quy định về quyền đi qua không gây hại của UNCLOS.

Kết luận

Bằng các phân tích, luận giải dựa vào lịch sử và luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS năm 1982 ở trên, bài viết này đã nghiên cứu so sánh, làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, thực tiễn và pháp lý liên quan đến Tuyên bố về Lãnh hải ngày 04/9/1958,³⁰ Tuyên bố về Đường cơ sở ngày 15/5/1996, Luật Hải cảnh năm 2021 và Luật An toàn hàng hải năm 2021 của Trung Quốc. Từ kết quả nghiên cứu nói trên, bài viết khẳng định, các tuyên bố và các luật nói trên của Trung Quốc đã xâm phạm nghiêm trọng chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; vi phạm luật pháp quốc tế, đặc biệt UNCLOS; đe dọa nghiêm trọng an ninh, an toàn hàng hải, hàng không quốc tế.

Đặc biệt, với việc ban hành các tuyên bố và luật nói trên, Trung Quốc đã từng bước hoàn thiện chiến lược “độc chiếm biển Đông” gồm năm giai đoạn: (i) tuyên bố trái luật pháp quốc tế, yêu sách các vùng

30 Điểm 1 của Tuyên bố 1958 đã ngang nhiên cho rằng, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà nước này gọi là Tây Sa và Nam Sa là lãnh thổ của Trung Quốc. Theo đó, Trung Quốc xác định, “bề rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa, quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa, và các đảo khác thuộc Trung Quốc”.

biển đảo, trên biển Đông bao gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam (Trung Quốc thực hiện từ năm 1958); (ii) sử dụng vũ lực chiếm đóng trái phép quần đảo Hoàng Sa (năm 1974) và một số thực thể địa lý trên Trường Sa (năm 1988 và 1995³¹); (iii) bồi đắp, tôn tạo, xây dựng đảo, công trình nhân tạo trên 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (từ năm 2013 đến nay); (iv) quân sự hóa quần đảo Hoàng Sa và 7 thực thể địa lý trên quần đảo Trường Sa (từ năm 2015 đến nay); (v) ban hành pháp luật để quản lý các vùng biển đảo mà nước này đã xác định và chiếm đóng trái phép (điển hình là thành lập thành phố Tam Sa trực thuộc tỉnh Hải Nam năm 2012; ban hành Luật Hải cảnh năm 2021, Luật An toàn hàng hải năm 2021).

Chính vì vậy, Việt Nam cần kiên quyết phản đối việc Trung Quốc áp dụng các đạo luật này trên các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền tài phán của mình, trong đó có vùng biển của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đồng thời, Việt Nam cần tăng cường sự hiện diện hợp pháp của các lực lượng chấp pháp (cảnh sát biển, kiểm ngư, hải quân) và ngư dân để bảo vệ và thực thi chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán trên các vùng biển đã được xác lập phù hợp với luật pháp quốc tế và UNCLOS.

Bên cạnh đó, ASEAN và các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các cường quốc như Mỹ, Pháp, Đức, Anh, Nhật Bản, Ấn Độ, EU cần phản đối mạnh mẽ hơn nữa các đạo luật này của Trung Quốc thông qua các diễn đàn của Liên hợp quốc, EU, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Nhóm 7 nước công nghiệp phát triển (G7), Tổ chức Hàng hải Quốc tế (*International Maritime Organization*, IMO), Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (*International Civil Aviation Organization* ICAO), Diễn đàn Khu vực ASEAN (*ASEAN Regional Forum*, ARF)... và các tổ chức quốc tế khác nhằm loại trừ hiệu lực của các tuyên bố và các luật nói trên, không để cho việc Trung Quốc đơn phương ban hành và áp đặt luật pháp của mình đối với thế giới tạo thành tiền lệ. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Phán quyết của Toà trọng tài được thành lập theo Phụ lục VII UNCLOS 1982 giải quyết vụ kiện Philippines - Trung Quốc năm 2016 [trans: Ruling of the Arbitral Tribunal established under Annex VII of UNCLOS 1982 to resolve the lawsuit between the Philippines and China, 2016]
- [2] Sam Bateman and Clive Schofield, *State practice regarding straight baselines in East Asia – Legal, technical and political issues in a changing environment*, Paper presented for international conference on Difficulties in Implementing the Provisions of UNCLOS, Monaco, 2008

31 Gồm: Đá Chữ Thập, đá Châu Viên, đá Gaven, đá Tư Nghĩa, đá Gạc Ma, đá Xu Bi (Trung Quốc chiếm đóng trái phép từ năm 1988) và đá Vành Khăn (Trung Quốc chiếm đóng trái phép từ năm 1995).